

pH
Mg++
SÁP RA
MÁT



SmartLyte® *Plus*

Máy xét nghiệm giải tiên tiến nhất

SmartLyte[®] Plus



Lưu Trữ Dữ Liệu
10.000 kết quả bệnh nhân
10.000 Kết Quả QC Trên Mỗi Cấp độ

Hiệu Chuẩn
2 điểm Cứ sau 4 Giờ
1 điểm Cho Mỗi Mẫu Theo Yêu Cầu

Hỗ Trợ
Dịch Vụ Hỗ trợ Trực Tuyến

Số Lượng Thông số
5 Tổng cộng
4 (Đồng thời)

Thời Gian Phân Tích
28 giây

Tùy Chọn Autoloader
24 vị trí

Ngôn Ngữ
English, 中文, Español, Français, Deutsch, Bahasa Indonesian, Italiano, 日本語, 한국어, Português, Polskie, Русский, Türkçe

Kết Nối
LAN, Wifi,
4 cổng USB
RS232, LIS

Tùy Chọn Thú y
Mèo, Chó, Bò, Ngựa,
Lợn, cừu, hoặc, lựa chọn

Thiết Bị Input
Màn hình cảm ứng 5"
Truy cập từ xa

Cỡ Mẫu
Máu toàn phần, Huyết thanh (95 µl)
Huyết tương, QC (95 µl)
Nước tiểu (180 µl)

Tham số	Phạm vi	Hệ Số Biến Thiên ¹	Độ Phân Giải
Na ⁺	40-200 mmol/L	CV ≤ 1% (120-160mmol/L)	0.1 mmol/L
K ⁺	1.7-15 mmol/L	CV ≤ 1.5% (2.5-6 mmol/L)	0.01 mmol/L
Cl ⁻	50-200 mmol/L	CV ≤ 1% (85-130 mmol/L)	0.1 mmol/L
Ca ⁺⁺	0.3-5.0 mmol/L	SD ≤ 0.02 mmol/L (0.8-1.5 mmol/L)	0.001 mmol/L
Li ⁺	0.2-5.5 mmol/L	SD ≤ 0.03 mmol/L (0.4-1.3 mmol/L)	0.001 mmol/L
nước tiểu ² Na ⁺	3-300 mmol/L	CV ≤ 5% (100-250 mmol/L)	0.1 mmol/L
K ⁺	5-120 mmol/L ³	CV ≤ 5% (10-60 mmol/L)	0.01 mmol/L
Cl ⁻	15-300 mmol/L	CV ≤ 5% (100-250 mmol/L)	0.1 mmol/L

1-Điện hình trong cùng một lượt chạy (n=30) Máu, Huyết thanh, Huyết tương
2-Canxi và Liti thường không được đo trong các mẫu nước tiểu
3-(60-120) cân pha loãng thêm

Công Suất
100-240V, 50W max
50-60 Hz, 1.6A max

Kích Thước & Trọng lượng
13.2 x 12.4 x 12 in, 14 lbs
335 x 315 x 295 mm, 6 kgs

Điều Kiện Môi Trường Xung Quanh
độ ẩm < 85%
Nhiệt độ phòng: 60-90°F (15-32°C)